

Số: /QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đề án “Điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt đề án “Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 804/UBND-NCTH ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương xây dựng Đề án cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 1717/UBND-NCTH ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh tên Đề án tại Công văn số 804/UBND-NCTH ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đề án: Đề án Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm

- Đảm bảo tính kết nối của vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với các loại hình vận tải hành khách khác và các đầu mối vận tải. Tái cơ cấu mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hướng mở rộng phạm vi phục vụ, giảm hệ số trùng tuyến và phân loại chức năng phục vụ từng loại tuyến cụ thể.

- Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các địa phương theo hướng đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, hạn chế ùn tắc giao thông và bảo vệ môi trường, xây dựng Hậu Giang xanh, thân thiện.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng, đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt nhằm hướng tới xây dựng hệ thống giao thông vận tải liên hoàn, đa dạng, phát triển hiện đại, bền vững.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu tổng thể của đề án là phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, nhằm tăng tỷ phần đảm nhận của loại hình này trong nhu cầu giao thông đô thị, hạn chế xe cá nhân, hình thành các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để thay thế các tuyến vận tải hành khách tuyến cố định (nội tỉnh, liên tỉnh).

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến năm 2025 đạt từ 25% trở lên so với tổng sản lượng vận chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025 phát triển thêm 05 tuyến xe buýt nội tỉnh và 05 tuyến xe buýt liên tỉnh; số phương tiện tăng từ 33 xe lên 135 xe.

- Đưa vào khai thác 01 tuyến xe buýt trợ giá với hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

4. Giải pháp phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến năm 2025

4.1. Tăng cường khả năng tiếp cận của hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Điều chỉnh mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hướng mở rộng phạm vi phục vụ. Ưu tiên đầu tư các tuyến xe buýt chuyên biệt phục vụ nhu cầu đi lại đặc thù (buýt bến nổi bến khách ngang sông, buýt du lịch, mini buýt, buýt chuyên chở học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp...). Đảm bảo mật độ bao phủ của mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đạt tiêu chí trong phạm vi 1.000m người dân có thể tiếp cận sử dụng xe buýt.

b) Về chỉ tiêu đảm nhận: đến năm 2023 dự kiến đạt 18%, đến năm 2025 dự kiến đạt 25% so với tổng sản lượng vận chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo phát triển đồng bộ các tuyến xe buýt xuyên tâm, xe buýt vành đai, xe mini buýt thực hiện chức năng gom khách, xe buýt chuyên chở học sinh, sinh viên...

- Đến năm 2023: phát triển thêm 04 tuyến nội tỉnh và 02 tuyến liên tỉnh.

MS tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Hành trình	Cự ly (km)	Tần suất (phút/ chuyến)	Số lượng xe dự kiến
Tuyến 04	Bến xe Vị Thanh (thành phố Vị Thanh)	Thị trấn Mái Dầm (huyện Châu Thành)	Bến xe Vị Thanh - Quốc lộ 61C - Đường Nguyễn Việt Hồng (xã Thanh Xuân) - Quốc lộ 61 - Quốc lộ 1A - Đường tỉnh 925 - Đường Nam Sông Hậu - Khu công nghiệp Sông Hậu - Thị trấn Mái Dầm và ngược lại	67	30	10
Tuyến 06	Bến xe Vị Thanh (thành phố Vị Thanh)	xã Vĩnh Viễn (huyện Long Mỹ)	Bến xe Vị Thanh - Quốc lộ 61 - Quốc lộ 61B - Bến xe Long Mỹ - Đường tỉnh 930 - xã Vĩnh Viễn và ngược lại	40	30	8
Tuyến 07	Bến xe Châu Thành A	Thị trấn Búng Tàu (huyện Phụng Hiệp)	Bến xe Châu Thành A - Đường tỉnh 929 - Quốc lộ 61 - Đường tỉnh 928 - thị trấn Búng Tàu và ngược lại	37	30	8
Tuyến 12	Bến xe Ngã Bảy (thành phố Ngã Bảy)	Thị trấn Ngã Sáu (huyện Châu Thành)	Bến xe Ngã Bảy - Quốc lộ 1 - Đường tỉnh 927C - Đường tỉnh 925 - thị trấn Ngã Sáu và ngược lại	25	30	8
Tuyến 09	Bến xe Ngã Bảy (Hậu Giang)	Bến xe Trà Men (Sóc Trăng)	Bến xe Ngã Bảy - Quốc lộ 1 - Bến xe Trà Men và ngược lại	31	30	10
Tuyến 15	Bến xe Vị Thanh (Hậu Giang)	Bến xe Kiên Giang (Kiên Giang)	Bến xe Vị Thanh - Quốc lộ 61 - Bến xe Kiên Giang và ngược lại	56	30	14

- Đến năm 2025: phát triển thêm 01 tuyến nội tỉnh và 03 tuyến liên tỉnh.

MS tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Hành trình	Cự ly (km)	Tần suất (phút/chuyến)	Số lượng xe dự kiến
Tuyến 05	Bến xe Vị Thanh (thành phố Vị Thanh)	Bến xe Ngã Bảy (thành phố Ngã Bảy)	Bến xe Vị Thanh - Quốc lộ 61 - Đường tỉnh 927B - Đường tỉnh 927 - Quốc lộ 1 - Bến xe Ngã Bảy và ngược lại	56	30	12
Tuyến 13	Bến xe Vị Thanh (Hậu Giang)	Bến xe Cần Thơ (thành phố Cần Thơ)	Bến xe Vị Thanh - Quốc lộ 61C - Bến xe Cần Thơ và ngược lại	40	30	12
Tuyến 14	Bến xe Châu Thành A (Hậu Giang)	Huyện Vĩnh Thạnh (thành phố Cần Thơ)	Bến xe Châu Thành A - Đường tỉnh 929 - Bón Tổng Một Ngàn - huyện Vĩnh Thạnh và ngược lại	50	30	10
Tuyến 16	Bến xe Vị Thanh (Hậu Giang)	Bến xe Giồng Riềng (Kiên Giang)	Bến xe Vị Thanh - Đường Lê Hồng Phong - Bến xe Giồng Riềng và ngược lại	41	30	10

d) Nghiên cứu thí điểm triển khai một số tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có hành trình kết nối với thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Kiên Giang để có thể thay thế các tuyến vận tải hành khách cố định (nội tỉnh, liên tỉnh).

đ) Đa dạng hóa phương tiện phù hợp với tính chất của tuyến xe buýt và điều kiện kết cấu hạ tầng của từng địa phương (xe buýt điện, mini buýt...).

e) Nâng cao khả năng tiếp cận của mọi đối tượng hành khách (bao gồm cả người khuyết tật) tại khu vực các điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt thông qua hệ thống giao thông ưu tiên như đèn tín hiệu ưu tiên, biển báo, cầu bộ hành, bến, bãi trông giữ phương tiện cá nhân...

4.2. Tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác

a) Xây dựng bãi đỗ xe công cộng kết hợp dịch vụ sử dụng phương tiện công cộng (xe đạp công cộng) nhằm tăng cường khả năng kết nối giữa các phương tiện cá nhân và phương tiện công cộng.

b) Tổ chức giao thông hợp lý tại các điểm trung chuyển, hạn chế việc hành khách phải di chuyển nhiều hoặc chờ đợi quá lâu.

c) Bố trí các điểm dừng đỗ đón trả khách hợp lý (trong khu vực đô thị khoảng cách giữa các điểm dừng đỗ không quá 500m, ngoài đô thị không quá 02 km); điểm dừng tại khu vực giao nhau giữa các tuyến buýt cần phải đặt gần nhau để giúp hành khách chuyển tuyến một cách dễ dàng và ưu tiên bố trí các điểm dừng gần các điểm phát sinh thu hút khách như trường học, bệnh viện, bến tàu thủy du lịch, trung tâm thương mại, dịch vụ...

4.3. Tăng cường thông tin hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Website Sở Giao thông vận tải Hậu Giang cung cấp đầy đủ các thông tin về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để người dân có thể tra cứu, tham khảo.

b) Tăng cường lắp đặt bảng điện tử, hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến trên xe buýt, tại các điểm đầu cuối, điểm trung chuyển và nhà chờ xe buýt.

c) Phát triển ứng dụng phần mềm dành cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có khả năng sử dụng trên nhiều thiết bị (máy tính, điện thoại, máy tính bảng...).

d) Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải xây dựng chương trình nhận diện thương hiệu xe buýt (màu sơn phương tiện, logo, đồng phục...).

4.4. Hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Ưu tiên hỗ trợ đầu tư công nghệ trong triển khai hệ thống vé thông minh áp dụng cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

4.5. Nâng cao tính tiện nghi của dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Từng bước cơ cấu đoàn phương tiện theo hướng giảm tuổi đời bình quân, ưu tiên phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, đảm bảo tỷ lệ phương tiện hỗ trợ người khuyết tật.

b) Tổ chức giao thông theo hướng ưu tiên vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; giảm hệ số trùng tuyến; từng bước tăng vận tốc khai thác của xe buýt.

c) Bố trí thời gian hoạt động của vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với tính chất hoạt động của mỗi tuyến xe buýt và nhu cầu đi lại của người dân theo từng khu vực, đồng thời đảm bảo số chuyến xe buýt được vận hành theo đúng kế hoạch (đúng giờ, thời gian giãn cách).

d) Ứng dụng công nghệ vé thông minh có kết nối đa phương thức (bến khách ngang sông, taxi...). Đa dạng hóa hình thức bán vé (trực tiếp, online, qua điện thoại...) và loại vé (vé lượt, vé tuyến, vé liên tuyến...) phù hợp với nhu cầu của hành khách.

d) Tăng số lượng phương tiện được trang bị internet không dây (wifi), hệ thống thông báo bằng âm thanh.

e) Tăng số lượng nhà chờ được lắp đặt tại các điểm dừng xe buýt.

g) Tại các điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, các điểm giao nhau giữa các tuyến có bố trí bảng thông báo hệ thống mạng lưới, tuyến hoạt động của xe buýt có liên quan.

4.6. Đảm bảo an ninh, an toàn giao thông

a) Đảm bảo 100% các điểm trung chuyển xe buýt được trang bị hệ thống camera giám sát, đồng thời tăng số lượng phương tiện được lắp đặt camera giám sát.

b) Tăng số lượng trạm dừng xe buýt đảm bảo được tách làn giao thông khi dừng đón, trả khách.

c) Thực hiện 100% lái xe, nhân viên phục vụ, đội ngũ quản lý được đào tạo, tập huấn xử lý các tình huống phát sinh (tai nạn, sự cố kỹ thuật, phòng chống khủng bố...).

d) 100% tài xế lái xe và nhân viên phục vụ trên xe được đào tạo, tập huấn kỹ năng phục vụ hành khách trong suốt quá trình tham gia vận chuyển hành khách.

4.7. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, khai thác, vận hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Tổ chức tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ít nhất 1 lần/năm.

c) Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn cho lái xe, nhân viên bán vé, những người tiếp xúc trực tiếp với hành khách về kỹ năng, xử lý tình huống, văn hóa ứng xử, bảo quản phương tiện và thực hiện tiết kiệm nhiên liệu.

4.8. Tăng cường công tác quản lý

a) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện, kết cấu hạ tầng và chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Áp dụng quản lý, theo dõi chất lượng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua hệ thống giám sát ứng dụng công nghệ hiện đại (camera, thiết bị giám sát hành trình) kết hợp tăng cường tiếp nhận phản ánh của khách hàng để kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kiểm soát chất lượng phục vụ hành khách của xe buýt như: lộ trình, dừng đón trả khách đúng quy định, thời gian, chi phí, thái độ phục vụ...

d) Cơ chế phản hồi, góp ý: tiếp nhận và xử lý, trả lời góp ý trên Hậu Giang App và Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải Hậu Giang; triển khai đặt các hòm thư đóng góp ý kiến, khiếu nại về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các trạm dừng, trên xe buýt...; có cơ chế tiếp thu, giải quyết, giải trình kịp thời và định kỳ những ý kiến góp ý, khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

đ) Thực hiện việc phê duyệt xây dựng khu đô thị, trung tâm thương mại phải gắn liền với việc bố trí xây dựng hạ tầng cho xe buýt.

4.9. Giải pháp về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển

a) Hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt như: ưu tiên bố trí đầy đủ quỹ đất và kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy hoạch được duyệt; miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đậu xe.

b) Hỗ trợ lãi suất đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dự án mua mới phương tiện vận tải phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Miễn, giảm giá vé đối với từng nhóm đối tượng ưu tiên; trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (chọn 01 tuyến xe buýt đưa vào khai thác với hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng) nhằm đảm bảo cho hoạt động vận tải hành khách công cộng ổn định với mức giá phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thông báo công khai, rộng rãi nội dung đề án để các tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và mức hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025.

- Điều chỉnh lộ trình, hành trình chạy xe trên tuyến để đảm bảo hoạt động giao thông đi lại được thông suốt vì mục đích chung của tỉnh và giải quyết những vấn đề bổ sung, phát sinh do điều chỉnh lộ trình, hành trình chạy xe.

- Tổ chức đặt hàng, đấu thầu các tuyến vận tải hành khách công cộng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo đúng quy định, ký kết các hợp đồng đặt hàng, hợp đồng liên quan đến dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Chủ trì trong công tác nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành của các hợp đồng đặt hàng, hợp đồng liên quan đến dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát, điều hành hoạt động vận tải công cộng và công tác trợ giá cho hoạt động vận tải công cộng.

- Ban hành quy tắc ứng xử của nhân viên vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn cho người tham gia giao thông về an toàn giao thông và vận tải công cộng.

- Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện đề án nếu có vướng mắc phát sinh cần điều chỉnh, sửa đổi, báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tiếp nhận, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chính sách hỗ trợ đề án theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, kiểm tra việc đặt hàng, đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật về đặt hàng, đấu thầu và các quy định hiện hành.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đảm bảo thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường xác định vị trí quy hoạch đất để xây dựng hệ thống bãi đỗ dành cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, nhà chờ, điểm trung chuyển, trạm điều hành, trạm bảo dưỡng sửa chữa, trạm cung cấp năng lượng đảm bảo đủ điều kiện để phát triển dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính cùng với cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp thực hiện đề án theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định; theo đó, cập nhật và cân đối quỹ đất dành cho phát triển hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với các Hội, Hiệp hội, doanh nghiệp du lịch, lữ hành để quảng bá, tuyên truyền phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt cho du khách ưu tiên sử dụng khi lưu thông vào địa bàn tỉnh Hậu Giang.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tận dụng ưu thế mạng xã hội, viễn thông trong công tác tuyên truyền. Triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, động viên các tầng lớp dân cư tham gia sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và chủ động góp ý cải thiện dịch vụ và chất lượng phục vụ nhằm cải thiện chất lượng phục vụ xe buýt theo đúng nhu cầu người dân.

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các giải pháp hiện đại hóa, tin học hóa, số hóa các hoạt động liên quan đến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc tham mưu đề xuất đối tượng được miễn, hỗ trợ giá xe buýt theo từng giai đoạn nhằm đảm bảo tính hiệu quả cao.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của giáo viên, học sinh trong việc sử dụng phương tiện công cộng thay thế phương tiện cơ giới cá nhân.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải nghiên cứu đề xuất xe buýt trường học đối với học sinh cấp 1, cấp 2, đặc biệt các trường học trong khu vực nội ô.

10. Cục Thuế Hậu Giang

- Cục Thuế thực hiện miễn, giảm lệ phí trước bạ đăng ký phương tiện cho các nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn, giảm các thuế đất, tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

11. Tổ chức tín dụng

Chịu trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn cho nhà đầu tư vay vốn và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ cho nhà đầu tư vay vốn để thực hiện việc đầu tư mua phương tiện, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; đồng thời giám sát và theo dõi việc sử dụng vốn vay của chủ dự án; thông báo ngay cho Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện chủ dự án sử dụng vốn vay sai mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 4;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT. NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa